



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600254266 ngày 24/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 7 năm 2025)

(Sửa đổi, bổ sung)

Đồng Nai, ngày 14 tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền và ủy quyền tham dự họp.....	13
Điều 17. Thay đổi quyền của cổ phần.....	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp.....	15
Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	21
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25

Điều 25. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	31
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 36. Thành phần, tiêu chuẩn và nhiệm kỳ Ban kiểm soát.....	36
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích của các thành viên Ban kiểm soát..	40
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.....	40
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng.....	40
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và phòng ngừa xung đột lợi ích.....	41
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	42
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ công ty.....	43
XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	44
Điều 45. Người lao động và công đoàn.....	44
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	45
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	45
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	46
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	46
Điều 48. Năm tài chính.....	46
Điều 49. Chế độ kế toán.....	46
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	47
Điều 50. Báo cáo tài chính.....	47

Điều 51. Báo cáo thường niên.....	47
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 52. Kiểm toán.....	48
XVII. CON DẤU.....	48
Điều 53. Con dấu	48
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	49
Điều 54. Giải thể Công ty	49
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	49
Điều 56. Thanh lý	49
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	52
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (sau đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định hợp pháp khác của Công ty được ban hành phù hợp với quy định pháp luật là căn cứ ràng buộc đối với Công ty và các cổ đông trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14 tháng 05 năm 2026, gồm 21 chương và 59 điều, và thay thế toàn bộ Điều lệ được thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2024.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có hiệu lực bắt buộc, quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã được các cổ đông góp hoặc cam kết góp vào Công ty và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- d) “Công ty” là Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;
- đ) “Cổ phần” là phần vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau;
- e) “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán;
- g) “Người điều hành doanh nghiệp” bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
- h) “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- k) “Người có quan hệ gia đình” được hiểu theo quy định của pháp luật có liên quan;
- l) “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

n) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 2 Điều lệ này và các quyết định gia hạn (nếu có) của Đại hội đồng cổ đông;

o) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

p) “Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông” là cá nhân được cổ đông là tổ chức ủy quyền hợp pháp để thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định pháp luật;

q) “Người được ủy quyền dự họp” là cá nhân hoặc tổ chức được cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền chỉ định hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Các dẫn chiếu trong Điều lệ này bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm.

3. Tiêu đề chương, điều chỉ nhằm mục đích thuận tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;
- Tên tiếng Anh: Tan Mai General Wood Joint Stock Company;
- Tên giao dịch: Tan Mai Wood General JSC (TMW).

2. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần; được tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

3. Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ: Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai;
- Điện thoại: 02513.823.730 - 02513.822.258;
- Fax: 02513.823.731;
- Email: gotanmai@gotanmai.vn;
- Website: <http://www.wood-tanmai.com>.

4. Công ty có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Giám đốc Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật có quyền và nghĩa vụ:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài và Tòa án;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Việc phân công quyền, nghĩa vụ cụ thể giữa các người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quyết định bằng văn bản.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và các sản phẩm gỗ khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Cưa, xẻ, bào và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ hỗ trợ vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ trạm sạc điện;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt và gỗ hợp pháp;
- Bán buôn hàng hóa khác theo quy định;
- Sản xuất đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng theo quy định pháp luật;
- Bán buôn nông lâm sản hợp pháp;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất điện, bao gồm điện mặt trời;

- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty.

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được phép hoạt động khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; cải thiện đời sống người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được quyền thực hiện các hoạt động kinh doanh trong phạm vi các ngành nghề đã đăng ký và được công bố theo quy định pháp luật.

Công ty có quyền điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được phép hoạt động khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 46.623.500.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ được chia thành **4.662.350 cổ phần**, mệnh giá **10.000 đồng/cổ phần**.

2. Công ty có quyền thay đổi vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty có các loại cổ phần bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu từng loại cổ phần được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu tương ứng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

Trường hợp cổ đông không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phân phối số cổ phần còn lại cho cổ đông hiện hữu hoặc cho các đối tượng khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có quyền mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số lượng và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với phần vốn cổ phần của Công ty và phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn:

- Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần; hoặc

- Hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án phát hành,

Công ty có trách nhiệm cấp chứng nhận cổ phiếu cho người sở hữu cổ phần.

Người sở hữu cổ phần không phải thanh toán chi phí cấp chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới bất kỳ hình thức nào, cổ đông được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị bằng văn bản, trong đó phải bao gồm:

- Thông tin về cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại;
- Cam kết chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp phát sinh liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các loại chứng khoán khác do Công ty phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và được đóng dấu của Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Đối với cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền liên quan, bao gồm:

- Quyền nhận cổ tức;
- Quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quyền mua cổ phần mới;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông chết hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích, người thừa kế hợp pháp hoặc người quản lý tài sản của cổ đông đó được Công ty công nhận quyền đối với cổ phần theo quy định của pháp luật.

Việc công nhận quyền sở hữu nêu trên không làm chấm dứt nghĩa vụ tài chính hoặc trách nhiệm liên quan đến cổ phần mà cổ đông đã chết hoặc mất tích đang nắm giữ.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị có quyền thông báo yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh liên quan đến phần cổ phần chưa thanh toán.

2. Thông báo yêu cầu thanh toán phải được lập bằng văn bản và bao gồm các nội dung sau:

- Số tiền còn phải thanh toán;
- Thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo);
- Địa điểm và phương thức thanh toán;
- Hậu quả pháp lý trong trường hợp không thanh toán đúng hạn, bao gồm việc cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp cổ đông không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung thông báo, Hội đồng quản trị có quyền quyết định thu hồi toàn bộ hoặc một phần số cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có quyền quyết định phương án xử lý, bao gồm việc chào bán lại, phân phối hoặc xử lý theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Kể từ thời điểm bị thu hồi, cổ đông mất tư cách cổ đông đối với số cổ phần bị thu hồi, đồng thời không còn quyền và lợi ích liên quan đến số cổ phần đó.

Tuy nhiên, cổ đông vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua trước thời điểm thu hồi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Thông báo thu hồi cổ phần phải được gửi đến cổ đông có liên quan trước thời điểm thu hồi.

Việc thu hồi vẫn có hiệu lực trong trường hợp việc gửi thông báo có sai sót không làm ảnh hưởng đến việc cổ đông nhận biết được nghĩa vụ thanh toán, trừ khi cổ đông chứng minh được việc không nhận được thông báo dẫn đến thiệt hại hợp pháp của mình.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Cổ đông là chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng và loại cổ phần mà mình sở hữu.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ các trường hợp bị hạn chế theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;

i) Được đối xử bình đẳng; mỗi cổ phần cùng loại tạo cho cổ đông các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; yêu cầu đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục các tài liệu sau:

- Biên bản họp, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo tài chính bán niên và hằng năm;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;
- Tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và bao gồm:

- Thông tin cổ đông (họ tên/tên tổ chức, địa chỉ, giấy tờ pháp lý);
- Số lượng cổ phần và thời điểm sở hữu;
- Tổng số cổ phần của nhóm và tỷ lệ sở hữu;
- Nội dung và mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản, gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, và phải ghi rõ:

- Tên cổ đông;
- Số lượng cổ phần;
- Nội dung kiến nghị;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

Đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này.

a) Nhóm cổ đông phải thông báo việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp số lượng ứng viên được đề cử thấp hơn số lượng được quyền đề cử, phần còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc cổ đông khác đề cử theo quy định.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Nghĩa vụ góp vốn

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần theo số lượng đã đăng ký mua và theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Nghĩa vụ không rút vốn

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp trái quy định, cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về:

- Các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút; và
- Các thiệt hại phát sinh do hành vi rút vốn trái phép gây ra.

3. Nghĩa vụ tuân thủ nội bộ

Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Nghĩa vụ bảo mật thông tin

Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định của Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin đó để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Nghiêm cấm việc cung cấp, tiết lộ, phát tán hoặc sử dụng thông tin của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác trái quy định.

5. Nghĩa vụ tham dự và biểu quyết

Tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức hợp lệ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Trách nhiệm khi nhân danh Công ty

Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Thực hiện kinh doanh hoặc giao dịch nhằm tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thực hiện các giao dịch tài chính không đúng thẩm quyền, gây rủi ro hoặc thiệt hại cho Công ty.

7. Nghĩa vụ khác

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn thời gian họp nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là nơi chủ tọa tham dự họp và phải thuộc lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm việc thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có ý kiến ngoại trừ trọng yếu, ý kiến không chấp nhận hoặc từ chối đưa ra ý kiến, Công ty có thể mời đại diện tổ chức kiểm toán tham dự và trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.

Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp và có chữ ký hợp lệ của các cổ đông liên quan. Kèm theo yêu cầu phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc việc ra quyết định vượt quá thẩm quyền (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện triệu tập theo quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không thực hiện triệu tập theo quy định tại điểm b khoản này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền trực tiếp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Toàn bộ chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn trả. Các chi phí này không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí cá nhân khác của cổ đông khi tham dự cuộc họp;

d) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần theo quy định của pháp luật;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản trở lên** theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định việc mua lại trên **10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại**;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- i) Quyết định việc tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc giải thể Công ty;
- k) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- m) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc phê duyệt danh sách công ty kiểm toán để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn;
- n) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, bao gồm các giao dịch có giá trị từ **35% tổng tài sản trở lên**;
- o) Quyết định kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- p) Xem xét các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- q) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền tại khoản 1 Điều này theo chương trình họp đã được thông qua.

3. Tất cả các vấn đề thuộc chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền và ủy quyền tham dự họp

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Số lượng người đại diện theo ủy quyền

Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của từng người được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Phân bổ cổ phần cho người đại diện

Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền, phải xác định cụ thể số lượng cổ phần tương ứng cho từng người đại diện.

Trường hợp không xác định cụ thể, số cổ phần sẽ được phân bổ đều cho các người đại diện theo ủy quyền.

4. Hiệu lực của việc cử, thay đổi người đại diện

Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo cho Công ty.

Việc cử, thay đổi chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ thời điểm Công ty nhận được thông báo họp lệ.

Thông báo phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của từng người;
- Thông tin cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (họ tên, địa chỉ, quốc tịch, giấy tờ pháp lý);
- Thời hạn ủy quyền, trong đó ghi rõ thời điểm bắt đầu;
- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người được ủy quyền.

5. Tiêu chuẩn người đại diện theo ủy quyền

Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Trường hợp cổ đông là doanh nghiệp nhà nước, không được cử người có quan hệ gia đình với người quản lý hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty, theo quy định của pháp luật.

6. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự họp, hoặc tham dự thông qua các hình thức điện tử theo quy định của pháp luật;

b) Việc ủy quyền tham dự họp phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật dân sự, trong đó ghi rõ:

- Tên cổ đông ủy quyền;
- Tên người được ủy quyền;
- Số lượng cổ phần được ủy quyền;
- Nội dung và phạm vi ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền;
- Chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;

c) Người được ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại, phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (nếu chưa được đăng ký trước với Công ty).

7. Hiệu lực của phiếu biểu quyết của người được ủy quyền

Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong phạm vi ủy quyền kể cả trong trường hợp xảy ra một trong các sự kiện sau, trừ khi Công ty đã nhận được thông báo hợp lệ trước thời điểm khai mạc cuộc họp:

- a) Người ủy quyền chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền hủy bỏ việc ủy quyền;
- c) Người ủy quyền chấm dứt thẩm quyền của người được ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi quyền của cổ phần

1. Nguyên tắc thay đổi quyền

Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Được số cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cùng loại dự họp đại diện từ **75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên** tán thành; hoặc

- Được các cổ đông sở hữu từ **75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên** tán thành trong trường hợp thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Điều kiện tiến hành họp cổ đông ưu đãi

Cuộc họp của các cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền chỉ được tiến hành khi có:

- Ít nhất hai (02) cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền); và
- Đại diện cho ít nhất một phần ba (1/3) tổng mệnh giá của số cổ phần cùng loại đã phát hành.

Trường hợp không đủ điều kiện tiến hành họp, cuộc họp được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo.

Tại cuộc họp lần thứ hai, các cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại tham dự (không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và tỷ lệ sở hữu) được coi là đủ điều kiện tiến hành họp.

3. Nguyên tắc biểu quyết

Tại các cuộc họp của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi:

- Mỗi cổ phần cùng loại có một (01) phiếu biểu quyết;
- Cổ đông có quyền yêu cầu bỏ phiếu kín;
- Quyền biểu quyết của các cổ phần cùng loại là ngang nhau.

4. Thủ tục họp

Thủ tục triệu tập và tiến hành các cuộc họp riêng của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thực hiện tương tự các quy định về họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.

5. Giữ nguyên quyền khi phát hành thêm

Trừ trường hợp điều kiện phát hành cổ phần có quy định khác, việc Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại không làm thay đổi các quyền đặc biệt đã gắn với loại cổ phần đó.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp

1. Thẩm quyền triệu tập

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện theo các trường hợp quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Công việc của người triệu tập họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp.

Đối với công ty đại chúng, việc công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

c) Chuẩn bị tài liệu họp;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến;

đ) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức họp;

e) Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp;

g) Thực hiện các công việc khác phục vụ tổ chức cuộc họp.

3. Thông báo mời họp

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, tính từ ngày thông báo được gửi hợp lệ.

Kèm theo thông báo mời họp hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty phải có đầy đủ các tài liệu sau:

a) Chương trình họp và các tài liệu liên quan;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của ứng viên (nếu có bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát);

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

Trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn để cổ đông truy cập và tải đầy đủ tài liệu.

4. Quyền kiến nghị chương trình họp

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

Nội dung kiến nghị phải bao gồm:

- Tên cổ đông;
- Số lượng và loại cổ phần sở hữu;

- Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Quyền từ chối kiến nghị

Người triệu tập họp có quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức;
- b) Tại thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện sở hữu theo quy định;
- c) Nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Bổ sung chương trình họp

Người triệu tập họp có trách nhiệm xem xét và đưa các kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình họp.

Kiến nghị chỉ trở thành nội dung chính thức của chương trình họp khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện họp lần thứ nhất

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và Người được uỷ quyền tham dự họp đại diện cho **từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên**.

2. Điều kiện họp lần thứ hai

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho **từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên**.

3. Điều kiện họp lần thứ ba

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp lần thứ ba.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký tham dự họp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông tham dự.

Việc đăng ký được thực hiện liên tục cho đến khi tất cả cổ đông có quyền dự họp hoặc người được ủy quyền họp lệ hoàn tất việc đăng ký.

2. Cấp thẻ biểu quyết và nguyên tắc biểu quyết

Khi đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được cấp thẻ biểu quyết, trong đó ghi rõ:

- Mã số đăng ký;
- Họ tên cổ đông hoặc người đại diện;
- Số phiếu biểu quyết tương ứng.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình họp.

Việc biểu quyết được thực hiện theo một trong các hình thức:

- Tán thành;
- Không tán thành;
- Không có ý kiến.

Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai tại cuộc họp trước khi bế mạc.

3. Cổ đông đến muộn

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết kể từ thời điểm đăng ký.

Các nghị quyết đã được biểu quyết trước thời điểm đăng ký vẫn có hiệu lực.

4. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể điều hành, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số;

Trường hợp không bầu được, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa;

b) Trường hợp người triệu tập không phải Hội đồng quản trị, người triệu tập điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa;

c) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

5. Thông qua chương trình họp

Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc.

Chương trình phải xác định rõ nội dung và thứ tự các vấn đề được đưa ra thảo luận, biểu quyết.

6. Quyền điều hành cuộc họp

Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết và hợp lý để:

- Bảo đảm trật tự, an toàn tại cuộc họp;
- Điều hành cuộc họp theo đúng chương trình;
- Bảo đảm quyền tham dự hợp pháp của cổ đông.

Các biện pháp có thể bao gồm:

- a) Sắp xếp chỗ ngồi;
- b) Kiểm tra an ninh;
- c) Cấp thẻ ra vào hoặc biện pháp kiểm soát khác.

7. Nguyên tắc biểu quyết và công bố kết quả

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình họp.

Kết quả kiểm phiếu phải được công bố công khai tại cuộc họp trước khi bế mạc.

8. Quyền đảm bảo trật tự cuộc họp

Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa có quyền:

- a) Yêu cầu người tham dự tuân thủ các biện pháp kiểm tra an ninh hợp lý;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ duy trì trật tự;
- c) Yêu cầu rời khỏi cuộc họp đối với người vi phạm nội quy, gây rối hoặc cản trở cuộc họp.

9. Hoãn hoặc thay đổi cuộc họp

Chủ tọa có quyền hoãn hoặc thay đổi địa điểm họp khi có đủ điều kiện tiến hành họp, nhưng không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến khai mạc, trong các trường hợp:

- a) Địa điểm không đủ điều kiện phục vụ cuộc họp;
- b) Phương tiện kỹ thuật không bảo đảm;
- c) Có hành vi gây rối, ảnh hưởng đến tính hợp pháp và công bằng của cuộc họp.

10. Thay thế Chủ tọa

Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp không đúng quy định, Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu người khác thay thế để tiếp tục điều hành cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp vẫn có hiệu lực.

11. Hợp trực tuyến

Trường hợp tổ chức họp trực tuyến, Công ty phải bảo đảm để cổ đông thực hiện quyền tham dự và biểu quyết thông qua phương thức điện tử theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức họp trực tuyến có thể được quy định chi tiết trong một quy chế riêng do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết thông qua với tỷ lệ từ 65%

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện **từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35% tổng giá trị tài sản trở lên** theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Nghị quyết thông qua với tỷ lệ từ 50%

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề không thuộc khoản 1 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện **từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông dự họp tán thành**, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Nghị quyết được thông qua với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua với **100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** là hợp pháp và có hiệu lực, kể cả trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết có vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Thẩm quyền lấy ý kiến

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chuẩn bị và gửi phiếu lấy ý kiến

Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

- Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình;
- Gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn nhận lại phiếu;

Danh sách cổ đông được lập theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Việc gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 18, trừ quy định về thời hạn thông báo họp.

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Thông tin cổ đông:
 - Cá nhân: họ tên, địa chỉ, giấy tờ pháp lý;
 - Tổ chức: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ;
 - Số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết;
- d) Nội dung cần biểu quyết;
- đ) Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
- e) Thời hạn gửi lại phiếu;
- g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Gửi và tiếp nhận phiếu lấy ý kiến

Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty bằng các hình thức:

- a) Gửi thư: phiếu phải có chữ ký hợp lệ và được niêm phong;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: phải bảo đảm tính bảo mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Phiếu lấy ý kiến được coi là không hợp lệ trong các trường hợp:

- Gửi sau thời hạn;
- Bị mở trước thời điểm kiểm phiếu (đối với gửi thư);
- Bị tiết lộ nội dung trước thời điểm kiểm phiếu (đối với fax/email).

Phiếu không gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập biên bản

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của:

- Ban kiểm soát; hoặc
- Cổ đông không giữ chức vụ quản lý.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm:

- a) Thông tin Công ty;
- b) Mục đích và nội dung lấy ý kiến;
- c) Số cổ đông và số phiếu tham gia (hợp lệ/không hợp lệ);
- d) Kết quả biểu quyết cho từng nội dung;
- đ) Nội dung được thông qua và tỷ lệ tương ứng;
- e) Chữ ký của người có liên quan.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của kết quả kiểm phiếu.

6. Công bố kết quả

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi hoàn tất kiểm phiếu và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Lưu trữ

Toàn bộ tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm:

- Phiếu lấy ý kiến;
- Biên bản kiểm phiếu;
- Nghị quyết;
- Tài liệu kèm theo;

phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

8. Giá trị pháp lý của nghị quyết

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết** tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Lập biên bản họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản bằng tiếng Việt và có thể được ghi âm, ghi hình hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- đ) Diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu theo từng nội dung;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; kèm theo danh sách đăng ký cổ đông và người đại diện dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g) Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề, bao gồm:
 - Phương thức biểu quyết;
 - Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ;
 - Số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các nội dung đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Ký và thông qua biên bản

Biên bản họp phải được lập và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Chủ tọa và Thư ký có trách nhiệm ký biên bản và chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký biên bản, biên bản vẫn có hiệu lực nếu:

- Được lập đầy đủ nội dung theo quy định; và
- Có chữ ký của người khác được Đại hội đồng cổ đông chỉ định xác nhận.

Biên bản phải ghi rõ việc Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký (nếu có).

3. Công bố và gửi biên bản, nghị quyết

Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Việc gửi biên bản họp cho cổ đông có thể được thực hiện thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về các nội dung đã được thông qua, trừ khi có ý kiến phản đối hợp lệ bằng văn bản được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày công bố biên bản.

4. Lưu trữ tài liệu

Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông dự họp, văn bản ủy quyền, tài liệu kèm theo và các tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Vi phạm thủ tục

Trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Vi phạm nội dung

Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Xâm phạm quyền cổ đông

Nghị quyết được thông qua làm xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

4. Hậu quả pháp lý

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết không làm đình chỉ hiệu lực thi hành của nghị quyết, trừ trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

5. Hiệu lực sau khi bị hủy

Trường hợp nghị quyết bị hủy bỏ, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ nghị quyết đó được xử lý theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc Trọng tài.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Công bố thông tin ứng cử viên

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin về các ứng cử viên chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty và theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích tốt nhất của Công ty nếu được bầu.

Thông tin công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác, bao gồm vị trí thành viên Hội đồng quản trị và chức danh quản lý;
- e) Các lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- g) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Việc công bố thông tin phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Quyền đề cử ứng viên

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử được xác định theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

- Từ 10% đến dưới 30%: đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 50%: đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 70%: đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 70% trở lên: đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

3. Trường hợp thiếu ứng cử viên

Trường hợp số lượng ứng cử viên được đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên.

Việc giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu cử.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình với Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên

Hội đồng quản trị của Công ty gồm **năm (05) thành viên**.

2. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ, các thành viên đó tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp nhận công việc.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế trong nhiệm kỳ, nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, trong đó:

- Có tối thiểu **một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành**;
- Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, cơ cấu Hội đồng quản trị phải đáp ứng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách trong các trường hợp sau:

- a) Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hoặc có đơn từ chức được chấp thuận;
- b) Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Bị thay thế theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ này;

Trong trường hợp này, cuộc họp phải được triệu tập trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

6. Bầu thay thế

Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Việc bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc chung

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ cụ thể

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;
- c) Quyết định chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động vốn theo hình thức khác theo quy định của pháp luật;

- d) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;
- g) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng, giao dịch trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các đối tượng này;
- l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông để thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- r) Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu thuộc thẩm quyền);
- s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Nghĩa vụ báo cáo

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, bao gồm quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc thù lao

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, thưởng và các lợi ích khác tương ứng với công việc và trách nhiệm của mình.

Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Hạch toán và công bố

Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế.

Các khoản này phải được hạch toán riêng và thể hiện rõ trong báo cáo tài chính hằng năm, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Chi phí hợp lý

Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Chi phí đi lại;
- Chi phí ăn, ở;
- Các chi phí cần thiết khác phục vụ hoạt động quản trị.

Các chi phí này phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Bầu Chủ tịch

Hội đồng quản trị bầu một (01) thành viên trong số các thành viên của mình làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Kiêm nhiệm chức danh

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức việc triệu tập theo quy định;
- e) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc và người quản lý khác triển khai các biện pháp quản lý, điều hành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Các nội dung này phải được báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất để xem xét, phê chuẩn.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thay thế Chủ tịch

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức, bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.

5. Trường hợp vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ

a) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

b) Trường hợp không có ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện nhiệm vụ vì các lý do như: chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số;

c) Người được bầu tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định chính thức.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b. Ít nhất 2/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo

mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên ban Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự họp các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Điều kiện

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu phục vụ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo yêu cầu;
- c) Tư vấn về trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp và việc ban hành nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ;
- d) Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc lập và hoàn thiện các nghị quyết, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp thông tin, tài liệu, bao gồm báo cáo tài chính, biên bản họp và các tài liệu khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc giữa Công ty với cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước và các bên có liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo nguyên tắc bảo đảm chịu sự giám sát và quản lý của Hội đồng quản trị.

Giám đốc và người điều hành khác chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Công ty có:

- Một (01) Giám đốc;

- Một hoặc một số Phó Giám đốc;
- Một (01) Kế toán trưởng;
- Và các chức danh quản lý khác (nếu có).

Hội đồng quản trị có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên bằng nghị quyết.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo quy định của Công ty.

2. Tuyển dụng và bổ nhiệm

Theo đề nghị của Giám đốc và được Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty có thể tuyển dụng thêm người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý do Hội đồng quản trị quy định.

Người điều hành có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu hoạt động và phát triển của Công ty.

3. Tiền lương, thưởng

Giám đốc và người điều hành được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy chế tiền lương và chính sách của Công ty.

4. Hạch toán và công bố

Tiền lương và các khoản lợi ích của người điều hành được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế.

Các khoản này phải được hạch toán riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một cá nhân khác làm Giám đốc; đồng thời ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng quản lý, trong đó quy định rõ quyền, nghĩa vụ, tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.

Thông tin về tiền lương, thù lao và lợi ích của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Vị trí và trách nhiệm

Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ và tiêu chuẩn

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Quyền và nghĩa vụ

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi thẩm quyền;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động và người quản lý thuộc thẩm quyền;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định thanh lý, xử lý, xóa sổ tài sản, hàng tồn kho trong hạn mức do Hội đồng quản trị quy định hoặc theo quy chế nội bộ của Công ty;

j) Quyết định ký kết các hợp đồng vay vốn và các giao dịch tài chính khác trong phạm vi thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Trong trường hợp phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Giám đốc có trách nhiệm xin ý kiến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi quyết định;

l) Trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty, Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu hợp pháp của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này khi xét thấy cần thiết hoặc khi Giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp tán thành.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Công bố thông tin ứng cử viên

Việc xác định ứng cử viên và công bố thông tin về ứng cử viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Công ty phải công bố thông tin về ứng cử viên Ban kiểm soát chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về:

- Tính trung thực, chính xác của thông tin;
- Việc thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích tốt nhất của Công ty.

Thông tin công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn, chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có);
- đ) Các lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên liên quan (nếu có);
- e) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Quyền đề cử ứng viên

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử ứng viên Ban kiểm soát.

Số lượng ứng viên được đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

- Từ 10% đến dưới 25%: đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Từ 25% đến dưới 50%: đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 50% trở lên: đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Việc họp nhóm cổ đông để đề cử phải được thông báo trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp thiếu ứng viên

Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử bổ sung ứng viên.

Việc đề cử bổ sung phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu cử.

4. Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung hoặc thay thế trong nhiệm kỳ, nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

Điều 36. Thành phần, tiêu chuẩn và nhiệm kỳ Ban kiểm soát

1. Số lượng và nhiệm kỳ

Ban kiểm soát của Công ty gồm **ba (03) thành viên**.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không phải là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong thời hạn ba (03) năm liền trước đó;
- g) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan (đối với công ty đại chúng).

3. Miễn nhiệm

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Bãi nhiệm

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số các thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát quyết định theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban kiểm soát phải có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát;

b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm soát;

d) Đại diện Ban kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

đ) Lập, ký và trình bày báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chức năng giám sát

Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công ty; giám sát tình hình tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện chức năng giám sát của mình.

2. Kiểm tra hoạt động quản lý và tài chính

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

Đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định và báo cáo

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của:

- Báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo tình hình kinh doanh;
- Báo cáo quản trị của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Rà soát các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị phù hợp.

4. Quyền kiểm tra

Xem xét sổ kế toán, chứng từ, tài liệu và các hồ sơ khác của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Điều lệ này.

5. Kiểm tra theo yêu cầu cổ đông

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, Ban kiểm soát phải tiến hành kiểm tra.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải gửi báo cáo kết quả đến:

- Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra phải bảo đảm không cản trở hoạt động bình thường của Công ty.

6. Quyền kiến nghị

Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp:

- Sửa đổi, bổ sung;
- Cải tiến cơ cấu tổ chức;
- Nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành.

7. Xử lý vi phạm

Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý khác vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ, Ban kiểm soát phải:

- Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ;

- Yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và đề xuất biện pháp khắc phục.

8. Kiểm toán

Đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;

Đề nghị thay đổi kiểm toán viên khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

9. Quyền tiếp cận thông tin

Có quyền tiếp cận đầy đủ hồ sơ, tài liệu của Công ty tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác;

Có quyền làm việc trực tiếp với người quản lý và nhân viên Công ty trong giờ làm việc.

10. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin

Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời.

11. Tham dự cuộc họp

Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Các cuộc họp khác của Công ty.

12. Nguyên tắc phối hợp

Bảo đảm phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông trong việc thực hiện chức năng kiểm soát, đồng thời bảo đảm tính độc lập trong hoạt động.

13. Quyền và nghĩa vụ khác

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Tần suất và điều kiện họp

Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm.

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất **hai phần ba (2/3) tổng số thành viên** tham dự.

Biên bản họp phải được lập đầy đủ, rõ ràng và có chữ ký của tất cả thành viên tham dự và người ghi biên bản.

Biên bản họp phải được lưu giữ theo quy định để xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Quyền yêu cầu tham dự

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Giám đốc;
- Người quản lý khác;
- Đại diện tổ chức kiểm toán độc lập;

tham dự cuộc họp và cung cấp thông tin, giải trình các vấn đề liên quan.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích của các thành viên Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc chi trả

Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Chi phí hoạt động

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- Chi phí đi lại;
- Chi phí ăn, ở;
- Chi phí thuê tư vấn độc lập và các chi phí cần thiết khác.

Tổng mức thù lao và chi phí không vượt quá ngân sách hoạt động hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, trừ trường hợp có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hạch toán và công bố

Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế.

Các khoản này phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách:

- Trung thực;
- Cẩn trọng;
- Tốt nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Các nghĩa vụ này áp dụng đối với mọi hoạt động, bao gồm cả khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và phòng ngừa xung đột lợi ích

1. Công khai lợi ích liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải kê khai, công khai đầy đủ, kịp thời các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trung thực

Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Nghĩa vụ thông báo giao dịch

Phải thông báo đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các giao dịch giữa:

- Bản thân họ hoặc người có liên quan;
- Với Công ty, công ty con hoặc bên liên quan của Công ty.

Việc chấp thuận các giao dịch này phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ; đồng thời phải được công bố thông tin theo quy định.

4. Hạn chế biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị không được tham gia biểu quyết đối với các giao dịch mà mình hoặc người có liên quan có lợi ích.

5. Bảo mật thông tin

Không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin nội bộ chưa công bố của Công ty để thực hiện giao dịch hoặc cung cấp cho bên thứ ba nhằm trục lợi.

6. Điều kiện hiệu lực của giao dịch có xung đột lợi ích

Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan không bị vô hiệu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Giao dịch thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị

- Giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất;
- Đã được công bố đầy đủ về lợi ích liên quan;
- Được Hội đồng quản trị thông qua với đa số thành viên không có lợi ích liên quan tán thành.

b) Giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

- Giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- Đã được công bố đầy đủ cho cổ đông;
- Được Đại hội đồng cổ đông thông qua bởi các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ được giao thì phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc bồi thường

Công ty có trách nhiệm bồi thường cho các cá nhân sau đây khi họ trở thành bên liên quan trong các vụ khiếu nại, tranh chấp, kiện tụng (bao gồm dân sự, hành chính), trừ trường hợp do Công ty khởi kiện:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc và người quản lý khác;
- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty;
- Người thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty.

Điều kiện được bồi thường:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hợp pháp của Công ty;
- b) Không có xung đột lợi ích hoặc đã xử lý xung đột lợi ích theo đúng quy định;
- c) Không có bằng chứng xác định người đó vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghĩa vụ của mình.

3. Phạm vi bồi thường

Chi phí bồi thường bao gồm:

- Chi phí pháp lý (bao gồm phí luật sư);
- Các khoản bồi thường, nghĩa vụ tài chính theo phán quyết;
- Tiền phạt và các khoản phải thanh toán hợp lý khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo hiểm trách nhiệm

Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính phát sinh từ trách nhiệm bồi thường.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ công ty

1. Quyền của cổ đông phổ thông

Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của Công ty như sau:

a) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên** có quyền:

- Xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Xem xét báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát;

- Xem xét hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Xem xét các tài liệu khác theo quy định của pháp luật;

trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Thực hiện quyền tra cứu

Việc yêu cầu tra cứu phải được thực hiện bằng văn bản.

Trường hợp người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền tra cứu, phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ hoặc bản sao hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Công ty có quyền yêu cầu người tra cứu cam kết bảo mật thông tin và sử dụng thông tin đúng mục đích.

3. Quyền tra cứu của người quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ của Công ty để phục vụ việc thực hiện chức vụ của mình.

Các thông tin này phải được sử dụng đúng mục đích và được bảo mật theo quy định.

4. Nghĩa vụ lưu trữ tài liệu

Công ty có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác theo quy định của pháp luật:

- Điều lệ và các sửa đổi, bổ sung;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Quy chế nội bộ;
- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản;
- Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Báo cáo tài chính và sổ sách kế toán;
- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp lưu giữ tại địa điểm khác, Công ty phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết.

5. Công bố Điều lệ

Điều lệ Công ty và các sửa đổi, bổ sung phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Người lao động và công đoàn

1. Quản lý lao động

Giám đốc có trách nhiệm tổ chức quản lý lao động trong Công ty, bao gồm:

- Tuyển dụng, sử dụng và chấm dứt hợp đồng lao động;
- Quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ;
- Thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phúc lợi khác;
- Khen thưởng, kỷ luật người lao động;

theo quy định của pháp luật lao động, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

Các chính sách nhân sự quan trọng, quy chế lao động và chế độ đãi ngộ tổng thể phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Công đoàn và quan hệ lao động

Công ty tôn trọng quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động theo quy định của pháp luật.

Giám đốc có trách nhiệm:

- Phối hợp với tổ chức công đoàn trong việc xây dựng và duy trì quan hệ lao động hài hòa, ổn định;
- Thực hiện đối thoại, thương lượng tập thể và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về lao động và công đoàn;
- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

3. Nguyên tắc quản lý

Việc quản lý người lao động trong Công ty phải bảo đảm:

- Tuân thủ quy định của pháp luật;
- Minh bạch, công bằng và không phân biệt đối xử;
- Phù hợp với chiến lược phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Nguyên tắc phân phối

Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác;
- Đã trích lập các quỹ theo quy định;
- Bù đắp đầy đủ các khoản lỗ trước đó (nếu có);
- Sau khi chi trả cổ tức vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn.

Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Quỹ thưởng người quản lý;
- Các quỹ khác (nếu có).

2. Nguyên tắc chi trả cổ tức

Công ty không thanh toán lãi đối với khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền chi trả liên quan đến cổ phần.

3. Hình thức chi trả cổ tức

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, cổ phiếu hoặc tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền đề xuất phương án chi trả cổ tức và tổ chức thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Phương thức thanh toán

Trường hợp chi trả cổ tức bằng tiền mặt:

- Phải thực hiện bằng đồng Việt Nam;
- Có thể chi trả trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng theo thông tin do cổ đông cung cấp;

Trường hợp Công ty đã thanh toán đúng theo thông tin do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Công ty không chịu trách nhiệm đối với khoản tiền đó.

Đối với cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, việc chi trả cổ tức được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thông qua các tổ chức lưu ký có liên quan.

5. Xác định quyền nhận cổ tức

Hội đồng quản trị quyết định ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông được hưởng cổ tức và các quyền liên quan khác theo quy định của pháp luật.

6. Quy định khác

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại Việt Nam và các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định có liên quan.

3. Công ty thực hiện mọi khoản thanh toán và giao dịch tài chính thông qua các tài khoản đã mở bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Công ty lập và lưu giữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt; trường hợp cần thiết có thể sử dụng thêm ngoại ngữ theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ, sổ sách kế toán phải:

- Trung thực, chính xác;

- Đầy đủ, kịp thời;
- Có hệ thống và có thể kiểm tra, đối chiếu;
- Đủ căn cứ để giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam.

Trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ kế toán và phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính

1. Nghĩa vụ lập báo cáo

Công ty phải lập báo cáo tài chính năm, bán niên và quý theo quy định của pháp luật về kế toán, Luật Chứng khoán và quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định và hoàn thành trong thời hạn **không quá chín mươi (90) ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nội dung báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Các phụ lục kèm theo theo quy định của pháp luật.

Các báo cáo phải phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

3. Công bố báo cáo tài chính

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn:

- **Mười (10) ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
- Nhưng không vượt quá **chín mươi (90) ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đồng thời, Công ty phải nộp báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thời hạn công bố:

- Trong vòng **hai mươi (20) ngày** kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- Nhưng không vượt quá **một trăm hai mươi (120) ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định:

- Lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập; hoặc
- Thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị cụ thể để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo kiểm toán

Báo cáo kiểm toán phải được lập theo quy định của pháp luật và đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Quyền của kiểm toán viên

Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên độc lập có quyền:

- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Nhận thông báo và tài liệu liên quan đến cuộc họp;
- Phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hình thức con dấu

Công ty có quyền quyết định về con dấu của mình, bao gồm:

- Dấu được làm tại cơ sở khắc dấu;
- Dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Quyền quyết định

Hội đồng quản trị quyết định:

- Loại dấu;

- Số lượng dấu;
- Hình thức và nội dung dấu của Công ty và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

3. Quản lý và sử dụng con dấu

Việc quản lý và sử dụng con dấu do **Giám đốc tổ chức thực hiện** theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị ban hành quy định hoặc ủy quyền ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu để bảo đảm kiểm soát và an toàn trong hoạt động của Công ty.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đồng thời không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc giải thể Công ty. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện quyết định giải thể theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, bao gồm việc thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên có liên quan.

4. Việc thanh lý tài sản của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Trước khi kết thúc thời hạn hoạt động, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Việc gia hạn hoạt động của Công ty được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 56. Thanh lý

1. Tổ chức thanh lý

Khi có quyết định giải thể, Hội đồng quản trị tổ chức việc thanh lý tài sản của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

Trường hợp thành lập Ban thanh lý, Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên, thành phần và quy chế hoạt động của Ban thanh lý.

2. Nhiệm vụ thanh lý

Hội đồng quản trị hoặc Ban thanh lý có trách nhiệm:

- a) Thực hiện các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật;
- b) Thanh lý tài sản và thu hồi các khoản phải thu;
- c) Thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Thứ tự thanh toán

Các khoản tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí giải thể và thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động;
- c) Nghĩa vụ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại được chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, sau khi đã thanh toán cho cổ phần ưu đãi (nếu có) theo quy định.

4. Kết thúc thanh lý

Sau khi hoàn tất việc thanh lý và thanh toán các nghĩa vụ, Công ty thực hiện thủ tục xóa tên trong sổ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Phạm vi tranh chấp

Các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc quyền, nghĩa vụ của các chủ thể theo Điều lệ này và pháp luật, bao gồm:

- a) Giữa cổ đông với Công ty;
- b) Giữa cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc người quản lý khác;
- c) Giữa các cổ đông với nhau liên quan đến hoạt động của Công ty.

2. Nguyên tắc giải quyết

Các bên liên quan ưu tiên giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần thiện chí, hợp tác và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của nhau.

Việc thương lượng, hòa giải không làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức hòa giải nội bộ

Trường hợp cần thiết, các bên có thể thống nhất:

- Chỉ định một cá nhân hoặc tổ chức độc lập làm trung gian hòa giải; hoặc
- Yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hỗ trợ việc tổ chức hòa giải, trừ trường hợp các cơ quan này là bên có liên quan trực tiếp đến tranh chấp.

4. Giải quyết bằng cơ quan có thẩm quyền

Trường hợp tranh chấp không được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trong thời hạn hợp lý, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra:

- Trọng tài thương mại; hoặc
- Tòa án có thẩm quyền

theo quy định của pháp luật.

5. Chi phí giải quyết tranh chấp

Mỗi bên tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng, hòa giải.

Chi phí giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Thẩm quyền sửa đổi

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được chuẩn bị và gửi kèm tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

Trong trường hợp:

- Điều lệ này chưa quy định; hoặc
- Quy định của pháp luật có liên quan thay đổi, khác với nội dung Điều lệ;

thì các quy định của pháp luật có hiệu lực sẽ được áp dụng trực tiếp để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Thông qua và hiệu lực

Điều lệ này gồm hai mươi một (21) chương và năm mươi tám (59) điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng Hợp Gỗ Tân Mai thông qua ngày... tháng 5 năm 2026 tại phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các Điều lệ, quy định nội bộ trước đây trái với nội dung Điều lệ này.

2. Lưu giữ Điều lệ

Điều lệ được lập thành nhiều bản có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại:

- Trụ sở chính của Công ty;
- Các cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

3. Giá trị pháp lý

Điều lệ này là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh tổ chức và hoạt động của Công ty.

4. Bản sao và trích lục

Bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị pháp lý khi được ký xác nhận bởi:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hiệu



CÔNG TY CP TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

THUYẾT MINH VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY

ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	Ghi chú
Điều c và f Khoản 1 Điều 1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. "<i>Luật doanh nghiệp</i>" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>c. "<i>Luật Chứng khoán</i>" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>f. "<i>Người có liên quan</i>" là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. "<i>Luật Doanh nghiệp</i>" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;</p> <p>c. "<i>Luật Chứng khoán</i>" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;</p> <p>f. "<i>Người có liên quan</i>" là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán</p>	Cập nhật
Khoản 3,4,5 Điều 2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, Phường Thống Nhất, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai.</p> <p>4. Công ty có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	Cập nhật địa giới hành chính

	theo Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.	5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
Khoản 2 Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty; b. Người đại diện cho Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài và Tòa án. b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2. Người đại diện theo pháp luật có quyền và nghĩa vụ: a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty; b) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài và Tòa án; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. 3. Việc phân công quyền, nghĩa vụ cụ thể giữa các người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quyết định bằng văn bản.	
Điểm c Khoản 3 Điều 14	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp và có chữ ký hợp lệ của các cổ đông liên quan. Kèm theo yêu cầu phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc việc ra quyết định vượt quá thẩm quyền (nếu có).	Theo khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

		Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp;	
		Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	Điều chỉnh cho phù hợp
Khoản 1 Điều 19	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền và ủy quyền tham dự họp Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và Người được ủy quyền tham dự họp đại diện cho từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Bổ sung cho trường hợp người được cổ đông ủy quyền dự họp
Khoản 2,3 Điều 21	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 2. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này các nghị quyết được thông qua của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Điều 21. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 2. Nghị quyết thông qua với tỷ lệ từ 50% Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề không thuộc khoản 1 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông dự họp tán thành , trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 3. Nghị quyết được thông qua với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	
Điểm c Khoản 4 Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;	Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/ND-CP

Khoản 1 và khoản 3 Điều 26	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bốn thành viên.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm năm (05) thành viên.	
Điểm a Khoản 6 Điều 42	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và phòng ngừa xung đột lợi ích a) Giao dịch thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị • Giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất; • Đã được công bố đầy đủ về lợi ích liên quan; • Được Hội đồng quản trị thông qua với đa số thành viên không có lợi ích liên quan tán thành. b) Giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông • Giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; • Đã được công bố đầy đủ cho cổ đông; • Được Đại hội đồng cổ đông thông qua bởi các cổ đông không có lợi ích liên quan.	khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP